

Số: /TB-TT VT

Vĩnh Thạnh, ngày 12 tháng 8 năm 2025

## THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Trí Đại Việt (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”).

Địa chỉ: 55 Trần Quốc Toàn, Phường Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai.

Về việc: Thông báo chấp thuận E- HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TT YT ngày 11/8/2025 của Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh, Bên mời thầu Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh với giá hợp đồng là: **835.500.000 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng./.) với thời gian thực hiện gói thầu là: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: từ ngày 12/8/2025 trở đi, tại địa điểm: Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh, địa chỉ: Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền **25.065.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng./.) và hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành (nếu có) theo quy định.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày 18 tháng 8 năm 2025 mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì

Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT TTVT;
- Lưu: VT, TCKT

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Cường**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Gia Lai, ngày 12 tháng 8 năm 2025*

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

**Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh .**

**giữa**

**TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH**

**và**

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÍ ĐẠI VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

**Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai  
bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTYP ngày 11/8/2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

Hôm nay vào lúc 09 giờ 00 ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh, chúng tôi gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

**TRUNG TÂM Y TẾ VĨNH THẠNH**

Địa chỉ : Số 20 Đặng Thùy Trâm, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : 0256.3886 601

Tài khoản : 9527.2.1047699

Tại : Phòng giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV

Mã số thuế : 4100732290

Đại diện : Nguyễn Thị Cường Chức vụ: Giám đốc

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÍ ĐẠI VIỆT**

Địa chỉ : 55 Trần Quốc Toản, Phường Ayun Pa, tỉnh Gia Lai

Điện thoại : 0269.3852444

Tài khoản : 4868123456 tại Ngân hàng ACB - CN Gia Lai

Mã số thuế : 5901175029

Đại diện : Võ Ngọc Quá Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận hoàn thiện hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng ;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng ;
4. E-ĐKC của hợp đồng ;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức thanh toán được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: **853.500.000 đồng** (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng./.*). Gồm 14 mặt hàng. Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

Giá hàng hóa bao gồm tất cả các chi phí liên quan như: giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có), phí vận chuyển,... đến tận Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh.

## 2. Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng không quá 60 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán, Hóa đơn GTGT, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, biên bản nghiệm thu, bàn giao; Biên bản thanh lý hợp đồng (đối với đợt giao hàng cuối cùng); Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Phương thức thanh toán: Thanh toán 1 lần 100% giá trị thực hiện theo hợp đồng sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành theo thỏa thuận trong hợp đồng.

### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: hợp đồng trọn gói

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|                                       |                                         |
|---------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU</b> | <b>ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ</b> |
| <b>GIÁM ĐỐC</b>                       | <b>GIÁM ĐỐC</b>                         |

**Võ Ngọc Quá**

**Nguyễn Thị Cường**

**PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HOÁ**

**Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh**  
(Kèm theo dự thảo hợp đồng ngày 12 tháng 8 năm 2025)

| STT | Tên hàng hóa         | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|----------------------|-------------|-----------|-----------------|---------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
| 1   | Thiết bị Switch Core | C9300-24T-A | CISCO     | 2024 trở về sau | Châu Á  | CISCO         | Thiết bị Switch Core CISCO C9300-24T-A<br>- Cổng downlink 24 cổng 10/100/1000 Mbps RJ-45<br>- Cổng uplink hỗ trợ module uplink 10G<br>- Khả năng stacking Hỗ trợ stacking với băng thông 688Gbps<br>- Dự phòng nguồn/quạt Hỗ trợ nguồn và quạt dự phòng, hot-swappable<br>- Hiệu suất chuyên mạch 208 Gbps<br>- Khả năng chuyển tiếp gói tin 154.76Mpps<br>- Bộ nhớ DRAM 8 GB, Flash 16 GB<br>- Hỗ trợ Layer 3 Hỗ trợ các giao thức định tuyến như RIP, OSPF, PBR, VRRP<br>- Bảo mật Hỗ trợ 802.1X, MACsec-128, CoPP<br>- Quản lý Hỗ trợ quản lý qua CLI, SNMP, REST API, Web GUI cho phép cấu hình toàn bộ tính năng Layer 3 nâng cao mà không yêu cầu sử dụng CLI hoặc phải mua license bổ sung<br>- Khả năng mở rộng Hỗ trợ module mở rộng uplink 10G/40G hoặc stacking<br>- Hỗ trợ IPv6 Hỗ trợ định tuyến IPv6 và các tính năng liên quan<br>- Hỗ trợ Jumbo Frame Hỗ trợ Jumbo Frame với kích thước 9198 bytes<br>- Khả năng định tuyến Multicast Hỗ trợ định tuyến Multicast như PIM-SM, PIM-DM<br>- Hỗ trợ QoS với khả năng phân loại và ưu tiên lưu lượng<br>- Hỗ trợ VLAN Hỗ trợ 4094 VLANs<br>- Hỗ trợ ACL Hỗ trợ 5.120 ACLs | Chiếc       | 1          | 99.020.000               | 99.020.000       |

| STT | Tên hàng hóa                       | Ký mã hiệu   | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|------------------------------------|--------------|-----------|-----------------|------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
|     |                                    |              |           |                 |            |               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ SVI Hỗ trợ 1000 Switched Virtual Interfaces (SVIs)</li> <li>- Bảo hành chính hãng 12 tháng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |            |                          |                  |
| 2   | Thiết bị Switch Access (24 port)   | C1200-24T-4G | CISCO     | 2024 trở về sau | Châu Á     | CISCO         | Thiết bị Switch Access (24 port) CISCO C1200-24T-4G<br>- Số cổng mạng 24 cổng RJ45 10/100/1000 Mbps và 04 cổng uplink SFP<br>- Cổng quản lý 01 cổng console RJ45 và USB-C.<br>- Bộ xử lý (CPU): Dual-core ARM at 1.4 GHz<br>- Bộ nhớ RAM 1 GB DDR4<br>- Bộ nhớ Flash 512MB<br>- Packet Buffer 1.5MB<br>- Hiệu suất chuyển mạch 56 Gbps<br>- Thông lượng (Throughput) 41.66 Mpps (million packets per second)<br>- Chức năng Layer 2 Hỗ trợ VLAN, STP/RSTP/MSTP, Link Aggregation<br>- Chức năng Layer 3 Hỗ trợ định tuyến tĩnh IPv4/IPv6<br>- Tính năng quản lý Hỗ trợ CLI, Web GUI, SNMP, Dual Image; quản lý qua Cloud.<br>- Tính năng bảo mật Hỗ trợ ACL, 802.1X, RADIUS, TACACS+<br>- Nguồn điện Hỗ trợ dải điện áp 100–240V AC, tần số 50/60Hz<br>- Bảo hành: 12 tháng. | Chiếc       | 8          | 10.130.000               | 81.040.000       |
| 3   | Thiết bị Module quang (SFP 10G SR) | TL SM5110-SR | Tp Link   | 2024 trở về sau | Trung Quốc | Tp Link       | Thiết bị Module quang (SFP 10G SR) TP-Link TL-SM5110-SR<br>- Chung loại Module quang SFP+ 10 Gigabit Ethernet chuẩn SR<br>- Chuẩn giao tiếp SFP+<br>- Chuẩn kết nối quang 10GBASE-SR<br>- Tốc độ truyền dữ liệu 10 Gbps<br>- Loại sợi quang hỗ trợ Sợi đa mode (Multi-Mode Fiber – MMF)<br>- Chuẩn sợi quang OM3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Chiếc       | 35         | 890.000                  | 31.150.000       |



| STT | Tên hàng hóa                      | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|-----------------------------------|-------------|-----------|-----------------|------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
|     |                                   |             |           |                 |            |               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoảng cách truyền dẫn 300 mét trên cáp quang OM3</li> <li>- Đầu nối quang Chuẩn LC duplex</li> <li>- Bước sóng hoạt động 850 nm</li> <li>- Dạng module Cắm nóng (hot-swappable), plug-in</li> <li>- Công suất tiêu thụ Không vượt quá 1W</li> <li>- Tương thích Thiết bị có khe cắm SFP+ tiêu chuẩn; hỗ trợ 10G Ethernet</li> <li>- Tình trạng thiết bị Mới 100%, nguyên đai nguyên kiện</li> <li>- Bảo hành 12 tháng hoặc theo gói thiết bị chính</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |            |                          |                  |
| 4   | Thiết bị phát Wifi (Access Point) | EAP613      | Tp Link   | 2024 trở về sau | Trung Quốc | Tp Link       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết bị phát Wifi (Access Point) Tp-Link EAP613</li> <li>- Chuẩn Wi-Fi Hỗ trợ chuẩn Wi-Fi 6 (802.11a/b/g/n/ac/ax), tương thích ngược với các chuẩn trước đó</li> <li>- Băng tần Hai băng tần hoạt động đồng thời: 2.4GHz và 5GHz</li> <li>- Chế độ hoạt động Chế độ kép (Dual mode), hỗ trợ kết nối đa thiết bị</li> <li>- Tốc độ tối đa Hiệu suất chuyển tiếp tổng 1775Mbps (AX1775)</li> <li>- MU-MIMO Hỗ trợ công nghệ 2x2 MU-MIMO</li> <li>- Ăng-ten Tích hợp sẵn (inbuilt antennas)</li> <li>- Cổng mạng 1 cổng RJ45 10/100/1000 Mbps</li> <li>- Nguồn cấp Hỗ trợ cấp nguồn qua PoE (Power over Ethernet), chuẩn 802.3at</li> <li>- Lắp đặt Thiết kế gắn trần</li> <li>- Tính năng quản lý Hỗ trợ quản lý qua Cloud hoặc phần mềm điều khiển tập trung</li> <li>- Bảo hành 12 tháng chính hãng tại nơi sử dụng</li> <li>- Tình trạng thiết bị Thiết bị mới 100%.</li> </ul> | Chiếc       | 30         | 2.480.000                | 74.400.000       |
| 5   | Switch access 24 cổng hỗ trợ POE+ | TL SG3428MP | Tp Link   | 2024 trở về sau | Trung Quốc | Tp Link       | <ul style="list-style-type: none"> <li>TSwitch access 24 cổng hỗ trợ POE+ Tp-Link TL-SG3428MP</li> <li>- Loại thiết bị Switch PoE Layer 2</li> <li>- Số cổng hỗ trợ 24x 10/100/1000BASE-T Ports, 4x 1G SFP ports</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Chiếc       | 7          | 9.990.000                | 69.930.000       |

| STT | Tên hàng hóa         | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ  | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------------|----------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
|     |                      |            |           |                 |          |               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Switching Capacity 56 Gbps</li> <li>- Forwarding Rate 41.66 Mpps</li> <li>- Công suất PoE 384W, hỗ trợ chuẩn IEEE 802.3af/at</li> <li>- Nguồn điện Nguồn xoay chiều (AC)</li> <li>- Hỗ trợ IPv4/IPv6 Tương thích cả hai giao thức</li> <li>- Quản lý Giao diện Web, CLI, hỗ trợ SNMP, HTTPS</li> <li>- Phần mềm quản lý Hỗ trợ Omada Software Defined Networking , miễn phí</li> <li>- Tính năng VLAN Hỗ trợ VLAN nâng cao, GVRP</li> <li>- Tính năng bảo mật IP Source Guard, ARP Inspection, DHCP Snooping, IGMP Snooping, DoS Protection</li> <li>- Tính năng PoE Phân bổ nguồn động, giám sát công suất theo cổng</li> <li>- Bảo hành: 2 năm chính hãng</li> </ul>                                                                                                                                                               |             |            |                          |                  |
| 6   | Thiết bị lưu trữ NAS | TS-464-8G  | QNAP      | 2024 trở về sau | Đài Loan | QNAP          | Thiết bị lưu trữ NAS QNAP TS-464-8G <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại thiết bị Thiết bị lưu trữ mạng (NAS)</li> <li>- Bộ vi xử lý Intel® Celeron® N5095 4 nhân, 4 luồng, tốc độ 2.0GHz , hỗ trợ turbo 2.9GHz</li> <li>- Bộ nhớ RAM 8GB DDR4, có thể nâng cấp</li> <li>- Số khay ổ đĩa: 4 khay hỗ trợ cả 2.5” và 3.5” SATA HDD/SSD</li> <li>- Chuẩn ổ đĩa hỗ trợ SATA HDD và SATA SSD</li> <li>- Cổng LAN: 2 cổng RJ45 tốc độ 2.5GbE</li> <li>- Cổng USB: 2 cổng USB 3.2 Gen 1</li> <li>- Cổng mở rộng (HDMI): 1x HDMI™ 2.1</li> <li>- Hệ điều hành NAS Có hệ điều hành chuyên dụng để quản lý NAS</li> <li>- Hỗ trợ snapshot Có</li> <li>- Hỗ trợ ảo hóa Có khả năng tạo máy ảo.</li> <li>- Tương thích phần mềm Hỗ trợ Web UI, quản lý người dùng, chia sẻ tệp mạng</li> <li>- Bảo hành 36 tháng</li> <li>- Chứng từ kèm theo Cung cấp CO/CQ khi giao</li> </ul> | Bộ          | 1          | 22.130.000               | 22.130.000       |

| STT | Tên hàng hóa                                      | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                                | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|---------------------------------------------------|-------------|-----------|-----------------|------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
|     |                                                   |             |           |                 |            |                                              | hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |            |                          |                  |
| 7   | Máy tính chuyên dụng (phục vụ chẩn đoán hình ảnh) | T14700      | FPT ELEAD | 2024 trở về sau | Việt Nam   | FPT                                          | <p>Máy vi tính thương hiệu Việt Nam FPT Elead T14700</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý (CPU) Intel Core i7-14700 (xung nhịp cơ bản 2.1GHz, tối đa 5.4GHz, 20 nhân 28 luồng, 33MB Cache)- Socket Intel LGA 1700</li> <li>- RAM:16GB DDR5 5600MHz, hỗ trợ nâng cấp tối thiểu 64GB</li> <li>- Ổ cứng: 512GB SSD PCIe NVMe</li> <li>- Card đồ họa Tích hợp Intel UHD Graphics 770</li> <li>- Hệ điều hành Windows 11 Home 64 bit bản quyền chính hãng (cài đặt theo máy)</li> <li>- Kết nối mạng LAN Gigabit Ethernet, Wi-Fi 6 (802.11ax), Bluetooth 5.2 trở lên</li> <li>- Bảo hành 24 tháng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                             | Bộ          | 1          | 23.370.000               | 23.370.000       |
| 8   | Màn hình chuyên dụng (phục vụ chẩn đoán hình ảnh) | 21HQ5 13D-S | LG        | 2024 trở về sau | Trung Quốc | LG Electronics Nanjing New Technology Co.Ltd | <p>Màn hình chuyên dụng (phục vụ CĐHA) LG 21HQ513D-S</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước màn hình 21.3 inch, độ phân giải từ 3MP trở lên (2048 x 1536)</li> <li>- Chuẩn DICOM Hỗ trợ chuẩn DICOM Part 14 với khả năng hiệu chuẩn độ sáng</li> <li>- Độ sáng tối đa 1100 cd/m<sup>2</sup></li> <li>- Độ sáng hiệu chuẩn DICOM 500 cd/m<sup>2</sup></li> <li>- Tỷ lệ tương phản 1800:1</li> <li>- Góc nhìn 178° theo cả chiều ngang và dọc</li> <li>- Cảm biến hiệu chuẩn Tích hợp cảm biến hiệu chuẩn phía trước và phần mềm hiệu chuẩn tự động</li> <li>- Cổng tín hiệu đầu vào: có 1 cổng DisplayPort và 1 cổng DVI-D</li> <li>- Cổng USB 2 cổng USB 2.0 downstream, 1 cổng USB upstream</li> <li>- Chân đế Hỗ trợ điều chỉnh độ nghiêng, xoay ngang, xoay dọc, nâng hạ độ cao</li> </ul> <p>Bảo hành: 36 tháng</p> | Bộ          | 1          | 108.800.000              | 108.800.000      |
| 9   | Thiết bị                                          | Redmi       | Xiaomi    | 2024            | Trung      | Xiaomi                                       | Thiết bị máy tính bảng Xiaomi Redmi Pad 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ          | 14         | 6.180.000                | 86.520.000       |

| STT | Tên hàng hóa                | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|-----------------------------|------------|-----------|-----------------|------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
|     | máy tính bảng               | Pad 2      |           | trở về sau      | Quốc       |               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý (CPU) MediaTekHelioG100-Ultra 8 nhân tốc độ xử lý phù hợp chạy đa nhiệm mượt mà</li> <li>- Bộ nhớ RAM 6GB</li> <li>- Bộ nhớ trong (Storage) 128GB, có khe cắm thẻ nhớ microSD mở rộng</li> <li>- Kích thước màn hình: 11 inch, độ phân giải WQXGA (2560 x 1600)</li> <li>- Kết nối không dây Hỗ trợ Wi-Fi và Bluetooth</li> <li>- Camera Có camera trước và sau, độ phân giải tối thiểu 5MP</li> <li>- Cổng kết nối Cổng sạc USB Type-C ; hỗ trợ OTG</li> <li>- Pin Dung lượng 9000mAh, hoạt động liên tục ít nhất 6 giờ</li> <li>- Bảo hành: 12 tháng</li> </ul> |             |            |                          |                  |
| 10  | Màn hình hiển thị thông tin | 32S5K      | TCL       | 2024 trở về sau | Việt Nam   | TCL           | Màn hình hiển thị thông tin TCL 32S5K <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại thiết bị Màn hình hiển thị thông tin</li> <li>- Kích thước màn hình 32 inch</li> <li>- Loại màn hình: LED</li> <li>- Độ phân giải 1920x1080 pixel</li> <li>- Loa tích hợp Loa 2 kênh, tổng công suất 16W</li> <li>- Cổng kết nối : 1 x USB, 2 x HDMI</li> <li>- Kết nối mạng WiFi và Ethernet (LAN)</li> <li>- Nguồn điện sử dụng AC 100 – 240V, 50/60Hz</li> <li>- Thời gian bảo hành 12 tháng</li> <li>- Chứng từ kèm theo Cung cấp CO/CQ khi giao hàng</li> </ul>                                                               | Bộ          | 7          | 5.310.000                | 37.170.000       |
| 11  | Máy tính xách tay           | B1402 CVA  | Asus      | 2024 trở về sau | Trung Quốc | Asus          | Máy tính xách tay Asus B1402CVA <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xử lý: Intel Core i5-1335U (10 nhân, 12 luồng, tối đa 4.6GHz, bộ nhớ đệm 12MB)</li> <li>- RAM: 8GB DDR4 2666MHz, có 2 khe nâng cấp</li> <li>- Ổ cứng: 512GB SSD chuẩn M.2 PCIe NVMe</li> <li>- Card đồ họa: Iris Xe Graphics (khi dùng dual RAM); mặc định UHD Graphics</li> <li>- Màn hình: 14 inch FHD</li> <li>- Pin: 3 Cell</li> <li>- Bảo hành: 12 tháng</li> </ul>                                                                                                                                                                   | Bộ          | 9          | 18.340.000               | 165.060.000      |

| STT | Tên hàng hóa               | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|----------------------------|------------|-----------|-----------------|------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|------------------|
| 12  | Máy đọc mã vạch            | DS9308     | Zebra     | 2024 trở về sau | Việt Nam   | Zebra         | Máy đọc mã vạch Zebra DS9308<br>- Chuẩn kết nối Hỗ trợ USB, RS232, KeyboardWedge, TGCS (IBM) 46XX over RS485<br>- Tương thích EAS Tích hợp công tương thích với hệ thống Checkpoint EAS deactivation<br>- Chỉ báo người dùng Có đèn LED và âm báo; hỗ trợ điều chỉnh âm lượng<br>- Tốc độ quét Tối đa 120 in./305 cm mỗi giây với mã 13mil UPC ở chế độ tối ưu<br>- Nguồn sáng Đèn LED amber 617 nm tròn<br>- Chiều sáng hỗ trợ Đèn LED đỏ 660 nm<br>- Trường quét Góc quét danh định: 52° ngang x 33° dọc<br>- Cảm biến ảnh Độ phân giải cảm biến: 1280 x 800 pixels<br>- Độ tương phản 15%<br>- Chịu va đập Chịu rơi từ độ cao 1.5 mét<br>- Chống bụi/nước Chuẩn bảo vệ IP52<br>- Bảo hành: 36 tháng, chính hãng tại Việt Nam | Bộ          | 2          | 3.830.000                | 7.660.000        |
| 13  | Máy quét vân tay bệnh nhân | ZK9500     | Zkteco    | 2024 trở về sau | Trung Quốc | Zkteco        | Máy quét vân tay bệnh nhân Zkteco ZK9500<br>- Công nghệ Quét vân tay quang học (Optical)<br>- Bộ xử lý DSP 280 MHz<br>- Bộ nhớ flash 32 MB<br>- Hệ điều hành RTOS<br>- Cảm biến ảnh CMOS, độ phân giải 2 MP<br>- Độ phân giải ảnh 500 dpi<br>- Kích thước ảnh 300 × 400 pixel (FAP20)<br>- Mã hóa dữ liệu Hỗ trợ mã hóa mẫu vân tay<br>- Chống nước Vận hành bình thường khi tiếp xúc nước<br>- Nhận diện vân tay Hỗ trợ vân tay khô, ướt, thô ráp<br>- Điện năng tiêu thụ 5V DC; 200mA khi hoạt động, 60mA khi chờ<br>- Giao tiếp USB 2.0 / USB 1.1, cổng Type-A<br>- Kích thước thiết bị khoảng 75.5 x 53.2 x 19 mm                                                                                                           | Bộ          | 9          | 1.770.000                | 15.930.000       |

| STT               | Tên hàng hóa   | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất    | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá trúng thầu (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ)   |
|-------------------|----------------|------------|-----------|-----------------|------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------------|--------------------|
|                   |                |            |           |                 |            |               | - Định dạng ảnh RAW, BMP, JPG<br>- Mẫu vân tay Chuẩn ZKFinger V10.0<br>- Nhiệt độ hoạt động -20°C đến +50°C<br>- Độ ẩm hoạt động ≤ 90% không ngưng tụ<br>Bảo hành 12 tháng chính hãng                                                                                                                |             |            |                          |                    |
| 14                | Máy in mã vạch | XP-470B    | Xprinter  | 2024 trở về sau | Trung Quốc | Xprinter      | Máy in mã vạch Xprinter XP-470B<br>- Công nghệ in In nhiệt trực tiếp (Direct Thermal)<br>- Độ phân giải 203 DPI (8 dots/mm)<br>- Tốc độ in tối đa 152mm/giây<br>- Khổ in tối đa 108 mm<br>- Độ rộng giấy: ~20mm đến ~112mm<br>- Cổng kết nối: USB, LAN<br>- Trọng lượng 1.58 kg<br>Bảo hành 12 tháng | Bộ          | 6          | 2.220.000                | 13.320.000         |
| <b>Tổng cộng:</b> |                |            |           |                 |            |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |            |                          | <b>835.500.000</b> |

*\* Giá trên đã bao gồm: Thuế VAT và tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại Trung tâm Y tế Vĩnh Thạnh.*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU  
GIÁM ĐỐC**

**Võ Ngọc Quá**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ  
GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Cường**